

THÔNG TIN

CƠ CẤU ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

Đến cuối năm 2006, tổng số đảng viên toàn quốc của ĐCS Trung Quốc đạt 72,391 triệu người, tăng 1,581 triệu người so với năm 2005.

Về cơ cấu đội ngũ đảng viên cho thấy: xét về tuổi của đảng viên, số đảng viên dưới 35 tuổi tăng. Tính đến cuối năm 2006, có 16,919 triệu đảng viên 35 tuổi và dưới 35 tuổi, chiếm tỉ lệ trong tổng số đảng viên, tăng 0,4% so với năm 2005. Xét về giới tính và trình độ học vấn của đảng viên, đảng viên nữ có trình độ học vấn đại học trở lên tăng tương đối lớn. Đảng viên nữ gồm 14,292 triệu người, chiếm 19,7% tổng số đảng viên, tăng 0,5% so với năm 2005. Đảng viên có trình độ đại học trở lên là 21,19 triệu người, chiếm 30,7% tổng số đảng viên, tăng 1,7% so với năm 2005. Những số liệu này cho thấy, cơ cấu đội ngũ đảng viên đã đổi mới hơn, chất lượng được nâng cao hơn.

Số liệu phát triển đảng viên cho thấy: năm 2006, ĐCS Trung Quốc đã phát triển được 2,635 triệu đảng viên, hơn 160 nghìn đảng viên so với năm 2005, tăng 6,5%. Xét về giới tính và tuổi của đảng viên được phát triển có thể thấy, có 896 nghìn đảng viên nữ được phát triển, chiếm 34% tổng số đảng viên mới, tăng 1,1% so với năm 2005. Số đảng viên được phát triển tuổi dưới 35 là 2,118 triệu người, chiếm 80,4% tổng số đảng viên

phát triển, tăng 0,3% so với năm 2005. Xét về nghề nghiệp của đảng viên phát triển, đảng viên được phát triển là học sinh có mức tăng rõ rệt nhất, phát triển thêm 126 nghìn người so với năm 2005. Ngoài ra, năm 2006, cả nước đã phát triển được 1,323 triệu đảng viên thuộc lĩnh vực sản xuất và lao động, phát triển thêm 90 nghìn đảng viên so với năm 2005; phát triển 297 nghìn đảng viên điển hình tiên tiến, tăng thêm 42 nghìn người so với năm 2005. Năm 2006, tổng số người xin vào Đảng trên cả nước là 19,073 triệu người, tăng 1,213 triệu người so với năm 2005, tăng 6,8%. Phần tử tích cực được vào Đảng đạt 10,021 triệu người, tăng 425 nghìn người so với năm 2005, tăng 4,4%.

Về tổ chức Đảng cơ sở, đến cuối năm 2006, toàn quốc có tổng số 3,564 triệu tổ chức cơ sở Đảng, trong đó gồm 173 nghìn Đảng uỷ cơ sở, 215 nghìn chi bộ lớn, 3,716 triệu chi bộ. Trong số 2,707 triệu doanh nghiệp, có 432 nghìn doanh nghiệp có đủ điều kiện xây dựng tổ chức Đảng (có 3 đảng viên trở lên), trong đó, 420 nghìn doanh nghiệp đã xây dựng tổ chức Đảng, chiếm 97,2% tổng số doanh nghiệp có đủ điều kiện xây dựng tổ chức Đảng, đặc biệt, trong số 2,419 triệu doanh nghiệp ngoài quốc doanh, có 1,78 triệu doanh nghiệp đã xây dựng tổ chức Đảng, chiếm 94,2% tổng số doanh nghiệp đủ điều kiện xây dựng tổ chức Đảng.

Các chuyên gia phân tích cho rằng, số liệu thống kê mới nhất trong Đảng năm 2006 đã chứng tỏ, sau khi kết thúc hoạt động toàn Đảng duy trì giáo dục tính

tiên tiến đối với đảng viên ĐCS, xây dựng tính tiên tiến của Đảng đã bước vào quỹ đạo chế độ hoá, bình thường hoá, sức ngưng tụ và sức chiến đấu của Đảng tăng rõ rệt, thể hiện sức sống mạnh mẽ.

HÔNG YẾN *st.*

(<http://politics.people.com.cn/GB/5966510.html>)

GIỚI THIỆU SÁCH

TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM: NHỮNG NỀN CHÍNH TRỊ BẤT ĐỐI XỨNG (CHINA AND VIETNAM: THE POLITICS OF ASYMMETRY)

Cuốn sách *Trung Quốc và Việt Nam: Những nền chính trị bất đối xứng (China and Vietnam: The Politics of Asymmetry)* của Brantly Womack, Giáo sư Trường Đại học Virginia, do NXB Đại học Cambridge xuất bản năm 2006 là một cuốn sách rất đáng chú ý trong những công trình nghiên cứu mới được công bố gần đây về quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam. Tác giả đã sử dụng một khung lý thuyết mới, đó là lý thuyết bất đối xứng trong quan hệ quốc tế. Mặc dù tác giả đánh giá đây chỉ là một nghiên cứu trường hợp (case study), nhưng cuốn sách này thực sự là một công trình nghiên cứu công phu, góp phần quan trọng vào nghiên cứu quan hệ Trung Quốc và Việt Nam nói riêng và quan hệ quốc tế nói chung.

Điểm mạnh trong công trình nghiên cứu này của Womack chính là tác giả đã có nhiều dịp tiếp xúc với giới học giả nghiên cứu về quan hệ giữa hai nước ở Việt Nam và Trung Quốc. Từ những trao đổi với học giả nghiên cứu về quan hệ

Trung-Việt ở hai nước, Womack nhận thấy Việt Nam dường như quá nhạy cảm trước mỗi hành động của Trung Quốc, trong khi Trung Quốc lại dường như lại chỉ quan tâm “bức tranh toàn cục”. Tại sao lại có cách tiếp cận khác nhau như vậy là câu hỏi mà tác giả cố gắng giải đáp trong cuốn sách.

Tác giả phát hiện các lý luận về nghiên cứu quan hệ quốc tế dường như chỉ tập trung vào quan hệ giữa các siêu cường, mà rất ít chú ý tới tác động cấu trúc của sự bất đối xứng trong quan hệ giữa siêu cường và một nước nhỏ. Vì vậy, Womack đã đưa ra một lý thuyết chung về bất đối xứng trên cơ sở phân tích quan hệ giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam. Theo tác giả, sự chênh lệch quá lớn về sức mạnh giữa Trung Quốc và Việt Nam đã tạo ra một khung khổ bất đối xứng cho mối quan hệ. Việt Nam dễ bị thiệt hại trước Trung Quốc và do đó nhanh chóng phản ứng trước mỗi nguy hiểm. Trung Quốc chẳng có gì để lo ngại Việt Nam ngoại trừ Việt Nam liên minh với siêu cường khác. Do đó cách nhìn của Trung Quốc về Việt Nam xuất phát từ những mối quan tâm chiến lược chung. Mỗi cách nhìn đều phù hợp với tình hình khác nhau ở mỗi nước, nhưng vì lẽ đó mà mỗi bên dễ có xu hướng nhận thức sai về nhau. Womack kết luận: “Xử lý thành công mối quan hệ này đòi hỏi Trung Quốc phải tôn trọng sự tự chủ của Việt Nam và cũng đòi hỏi Việt Nam phải thể hiện sự tôn trọng đối với người láng giềng hùng mạnh này.”

Cuốn sách khá chặt chẽ về mặt kết cấu, được chia thành 11 chương với phần tổng quan, hai phần lớn và kết luận.

Phần tổng quan, Chương 1, giới thiệu về Trung Quốc và Việt Nam, lý thuyết bất đối xứng và sự đa dạng về trạng thái trong mối quan hệ giữa hai nước trong suốt chiều dài lịch sử. Chương 2,3 và 4 hợp thành phần đầu tiên “Cấu trúc cơ bản”. Chương 2 đưa ra những tham số cơ bản cho cách nhìn ra thế giới bên ngoài của Trung Quốc. Chương 3 phân tích cách nhìn thế giới bên ngoài của Việt Nam xuất phát từ những tham số địa lý, kết hợp chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thế giới, nguồn tài nguyên phân bố không đều, thách thức của thống nhất (hội nhập) và đa dạng, và lịch sử. Chương 4 phân tích về đặc điểm cấu trúc chung của mô hình bất đối xứng, với hai cặp quan hệ: quan hệ của nước mạnh hơn với nước yếu hơn, và mối quan hệ của nước yếu hơn với nước mạnh hơn.

Phần thứ hai của cuốn sách, “Động lực của mối quan hệ”, gồm 6 chương trình bày lịch sử quan hệ hai nước trong tiến trình lịch sử. Chương 5 phân tích sự nổi lên của Trung Quốc như một khu vực văn hóa và xung đột với sự hình thành Trung Quốc phong kiến và thảo luận về hai kiểu của quan hệ bất đối xứng - bất đối xứng vô định hình và bất đối xứng nội tại – nhằm minh họa cho quan hệ giữa hai nước trong thời kỳ lịch sử ban đầu. Chương 6 phân tích quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam trong một giai đoạn kéo dài 9 thế kỷ từ năm 968 tới năm 1840. Chương 7 viết về giai đoạn sụp đổ của các đế chế Trung Quốc và Việt Nam trước sức mạnh của phương Tây, theo đó, lần đầu tiên Việt Nam đã phải đương đầu với một thế lực lớn hơn nhiều so với Trung Quốc, và Trung Quốc không còn là trung tâm của thế

giới. Chương 8 bao quát giai đoạn từ khi CHND Trung Hoa được thành lập năm 1949 tới việc tái thống nhất Việt Nam năm 1976. Chương 9 xem xét về sự xấu đi trong quan hệ giữa hai nước từ thập niên 1970 tới khi bình thường hóa năm 1991, với bài học về hậu quả của việc xử lý tồi cặp quan hệ này. Chương 10 bao quát quá trình bình thường hóa từ năm 1991, là một giai đoạn bất đối xứng thuần thực, đạt được nhờ mong muốn hòa bình của cả hai bên dù khả năng thực tế của xung đột vẫn còn tồn tại. Quan hệ giữa hai nước được trở lại bình thường cho thấy có sự thể chế hóa của mô thức xử lý quan hệ trên sự tự chủ của một nhà nước yếu hơn và sự tôn trọng của nhà nước yếu hơn đối với một nhà nước mạnh hơn. Chương 11 tập hợp lại những biến thái khác nhau của những mô hình bất đối xứng mà Trung Quốc và Việt Nam đã trải qua và đối chiếu với những cặp quan hệ khác trên thế giới.

Qua nguồn tài liệu tham khảo đa dạng từ các ngôn ngữ Anh, Pháp, Trung và Việt, cuốn sách được viết với nguồn thông tin phong phú. Vì thế tác giả đã mang đến cho người đọc một cái nhìn toàn diện về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tác giả cũng đã tạo thuận lợi cho người đọc đối chiếu chéo bằng việc cung cấp một phụ lục chi tiết về bảng từ vựng tên người, địa danh và những thuật ngữ quan trọng trong ba thứ tiếng Anh, Trung và Việt.

PHẠM NGỌC THẠCH